

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/08/2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích.

2. Ông Lê Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 862/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1985, cư trú: Lô 13B, đường CS, khóm DT8, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Tấn T, sinh năm 1987, cư trú: Lô 13B, đường CS, khóm DT8, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018, trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Đỗ Thị H và Ông Võ Tấn T tự tìm hiểu, quen biết nhau và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, theo giấy trích lục kết hôn số 1848/TLKH-BS ngày 05 tháng 10 năm 2018 chứng nhận kết hôn giữa Bà Đỗ Thị H và Ông Võ Tấn T. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Trong thời gian sống chung đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, vợ chồng đã ly thân. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà H không còn yêu thương gì đối với ông T, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Võ Thảo Diệu M, sinh ngày 01/10/2014 (nữ). Bà Hyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Hyêu cầu được tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 15 tháng 02 năm 2019 Ông Võ Tấn T trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị H như sau:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Giữa quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là không tránh khỏi, bà H có tính theo người xưa, cổ hủ, khó tính, ít bỏ qua việc lỗi lầm nhỏ nhặt của ông T trong sinh hoạt, công việc và quan hệ xã hội hằng ngày nên có phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, con chung còn nhỏ, ông T không muốn con phải xa cha mẹ nên yêu cầu hòa giải để đoàn tụ gia đình. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung ông T không có ý kiến.

Tại phiên tòa: Bà Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21 tháng 05 năm 2019, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Ông Võ Tấn T.

Ông Võ Tấn T vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn Bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn Ông Võ Tấn T vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bà và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử trễ hạn hai tháng kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Bà H và ông T đăng ký kết hôn năm 2011. Giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có tình cảm với người phụ nữ khác. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T là phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Võ Thảo Diệu M sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014 hiện đang được bà H chăm lo tốt, có nơi ở ổn định và để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho con chung là phù hợp quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Thảo Diệu M theo quy định pháp luật đến khi thành niên là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Bà Đỗ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 21 tháng 05 năm 2019. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp quy định pháp luật.

Riêng đối với Ông Võ Tấn T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa, bị đơn Ông Võ Tấn T vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Đỗ Thị H và Ông Võ Tấn T trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố

LX, tỉnh AG theo trích lục kết hôn bản sao số 1848/TLKH-BS ngày 05 tháng 10 năm 2018, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, bà Hvà ông T phát sinh mâu thuẫn, bà Hxin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống chung bà Hluôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Theo yêu cầu ly hôn của bà Hằng, ông T còn yêu thương vợ con nên yêu cầu hòa giải đoàn tụ gia đình, không muốn con phải xa cha mẹ.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà Hvà ông T mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà Hkhông còn tình cảm với ông T, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày còn yêu thương vợ con, mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn, bản thân bà Hcó tính theo người xưa, nếu vợ chồng ly hôn thì con thiếu vắng tình cảm của cha mẹ. Theo ý kiến của ông T, không được bà Hchấp nhận và trong quá trình hòa giải, bà Hcũng không đồng ý yêu cầu của ông T. Tại phiên tòa ông T vắng mặt, không có lý do tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông T. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Hđược ly hôn với ông T.

[5] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Võ Thảo Diệu Mỹ, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2014 (nữ). Hiện nay, con chung đang sống ổn định với bà Hằng, được bà Hchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Võ Thảo Diệu Mỹ cho bà Htrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, bà Hyêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)/tháng. Xét yêu cầu của bà Hlà phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Trong thời gian sống chung vợ chồng, bà Hxác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Theo ý kiến trình bày của bà Hằng, ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Xét, các đương sự không tranh chấp tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, nếu có sẽ giải quyết bằng vụ án khác, nên không xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hnộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Ông T nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều a Khoản 5, Điều a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của Bà Đỗ Thị H được ly hôn với Ông Võ Tấn T.

Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị H và Ông Võ Tấn T có một con chung tên Võ Thảo Diệu M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014. Bà Đỗ Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Võ Tấn T cấp dưỡng nuôi con chung 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (18 tuổi). Bà H phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị H và Ông Võ Tấn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010754, ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Võ Tấn T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Đỗ Thị H, Ông Võ Tấn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà Hằng, ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VK SND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương